

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến  
lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,  
phương tiện và người lái**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 11 Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT).

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 12; khoản 5 Điều 13; Phụ lục 9; Phụ lục 10.

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 15.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Điều 18, khoản 2 Điều 22 Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT;

b) Điều 20 của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 22 Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-BGTVT ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại khoản 1 Điều 4; tên Điều 5; khoản 3 Điều 5; khoản 6 Điều 6; khoản 2 Điều 7; Điều 9; các khoản 3, khoản 6 và khoản 8 Điều 11; khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 14; Điều 17.

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại khoản 1 Điều 19.

3. Thay thế cụm từ “Vụ Quản lý phương tiện và Người lái” bằng cụm từ “Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và Người lái” tại khoản 1 Điều 4.

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xếp hàng hóa trên xe ô tô khi tham gia giao thông trên đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 12.

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 15.

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ để tổ chức và quản lý hoạt động vận tải đường bộ giữa các nước Campuchia, Lào và Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2020/TT-BGTVT ngày 17 tháng 9 năm 2020)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 15 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT;

b) Khoản 2, khoản 3 Điều 14; Phụ lục XI, Phụ lục XII và Phụ lục XIII Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 1; các Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III Thông tư số 20/2020/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 16 Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT.

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT;

b) Điều 20; Phụ lục số 21 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1; Phụ lục 1 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 23 Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ Giao thông vận tải**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Khoản 2 và khoản 3 Điều 3; khoản 3 và khoản 4 Điều 4; khoản 1 Điều 5; khoản 4 Điều 6; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 7; tên Điều, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 9 Điều 8; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 10; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 11; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 12; khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT;

b) Khoản 13 Điều 8; khoản 8 Điều 9 Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 14 Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT.

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Khoản 1 Điều 7; điểm a và điểm e khoản 1, tên khoản 2 Điều 9; Điều 13; Phụ lục III và Phụ lục IV Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT;

b) Điều 8 Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT.

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 11 năm 2019; Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Điều 21; khoản 1, khoản 3 Điều 22 Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT;

b) Điểm b khoản 2 Điều 22 Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT);

c) Điều 21; Phụ lục 21 Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2; Phụ lục 1 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 24 Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT.

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019; Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021; Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2022)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Điểm c khoản 15 Điều 5; tên Điều 10; khoản 1 Điều 18; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 19; khoản 5 Điều 21; điểm c khoản 1, điểm b và điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 22; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23; khoản 1, khoản 2 Điều 24; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm b khoản 6 và khoản 7 Điều 26; khoản 1 Điều 29; tên Điều 30, điểm d khoản 5, điểm b khoản 6 và khoản 9 Điều 30; khoản 2, khoản 5 và khoản 8 Điều 31; khoản 2 Điều 32; khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 34; điểm d khoản 2 Điều 36; đoạn đầu Điều 39; đoạn đầu khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 40; đoạn đầu khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 46; Phụ lục 3a, Phụ lục 11a, Phụ lục 13, Phụ lục 14, Phụ lục 18a, Phụ lục 18b, Phụ lục 20, Phụ lục 21 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT;

b) Khoản 4 Điều 11; khoản 8 Điều 18; điểm a khoản 2 Điều 23; Khoản 3 Điều 27; Khoản 4 Điều 30 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8; điểm b khoản 12; khoản 16, điểm b khoản 18 Điều 1 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT);

c) Khoản 7 Điều 18; khoản 4 Điều 35; điểm a và điểm c khoản 8 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 3 Điều 40; đoạn đầu khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 45; Phụ lục số 26 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4; khoản 5; điểm b khoản 6; khoản 7; khoản 10; khoản 11 Điều 2; Phụ lục số VI Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT);

d) Khoản 12 Điều 3, Khoản 17 Điều 5; khoản 9 và khoản 10 Điều 10; khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 11; Điều 48; Phụ lục số 30 Thông tư số 12/2017/TT- BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1; điểm đ khoản 3; điểm a, điểm b khoản 5; điểm a, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 1; khoản 2 Điều 2; Phụ lục số III Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT).

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Điểm d khoản 3 Điều 24; khoản 8 Điều 30; khoản 2 Điều 35; Điều 48; Phụ lục 12a và Phụ lục 16a Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT;

b) Phụ lục 27 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VII Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT).

3. Thay thế cụm từ “TCĐBVN” bằng cụm từ “CĐBVN” tại Phụ lục 18a và Phụ lục 18b Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT.

4. Thay thế cụm từ “Vụ Quản lý phương tiện và Người lái” bằng cụm từ “Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và Người lái” tại khoản 1 Điều 29 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT.

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 4 Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại điểm b, điểm c và điểm e khoản 4 phần I; điểm 1, điểm 4 và điểm 5 khoản II mục B phần II Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT.

3. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” và cụm từ “TC ĐBVN” bằng cụm từ “CĐBVN” tại mục A;



Biểu số 01-N, Biểu số 02-N, Biểu số 11-T, Biểu số 20-ĐT, Biểu số 33-N, Biểu số 36-N, Biểu số 42-5N và Biểu số 43-5N tại khoản II mục C phần II Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT.

**Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại tên Điều 20; khoản 4 và khoản 6 Điều 21; Mẫu số 15 của Phụ lục 1.

2. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 24.

**Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại khoản 2 Điều 2.

**Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2020/TT-BGTVT ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 4.

**Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về**

**tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021)**

1. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại:

a) Khoản 2 Điều 6; khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 9; khoản 2 và khoản 4 Điều 10; tên Điều, khoản 3, khoản 4 và khoản 7 Điều 11; khoản 1 và khoản 2 Điều 12; khoản 2 và khoản 3 Điều 13; khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 14; khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 22; khoản 4 Điều 38; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 50; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 51; khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 52; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 53; khoản 1 và khoản 2 Điều 54; khoản 3 Điều 56; tên Điều, khoản 7 Điều 62; khoản 3, khoản 7 và khoản 9 Điều 63; Phụ lục 21 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT;

b) Điều 64 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT);

c) Điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT).

**Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 3.

**Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung**

**một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 10.

**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 3.

**Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 3.

**Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 3.

**Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành**

1. Thay thế cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 6.

**Điều 24. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Đình Thọ**